

Số: /GPMT-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 10 tháng 05 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trung tâm thương mại và nhà phố thương mại shophouse Hòa Bình” tại phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 362/TTr-STNMT ngày 31 tháng 8 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vincom Retail; địa chỉ trụ sở chính: Số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm thương mại và nhà phố thương mại Shophouse Hòa Bình” phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Trung tâm thương mại và nhà phố thương mại Shophouse Hòa Bình”.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0105850244 do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 23, ngày 22 tháng 02 năm 2023.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 0105850244.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại và nhà phố thương mại Shophouse.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện dự án là 10.169 m² trong đó:

+ Diện tích đất khu Trung tâm thương mại là 4.810 m².

+ Diện tích khu đất nhà phố Shophouse là 2.446 m².

+ Diện tích hạ tầng, giao thông, hành lang bảo vệ đê, cây xanh là 2.913 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*), dự án đầu tư nhóm II (*theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*).

- Công suất: Khu Trung tâm thương mại (Vincom plaza) gồm 4 tầng nổi và 1 tầng hầm; Khu nhà phố thương mại shophouse cao 4 tầng gồm 30 lô với 6 loại nhà được thiết kế theo phong cách khác nhau.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vincom Retail:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vincom Retail có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký cấp Giấy phép môi trường này.

Điều 4: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Trung tâm thương mại và nhà phố thương mại Shophouse Hòa Bình” của Công ty Cổ phần Vincom Retail được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình, Giám đốc Công ty Cổ phần Vincom Retail và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&CN;
- UBND phường Đồng Tiến, TP Hòa Bình;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công ty Cổ phần Vincom Retail
(*Trung tâm phục vụ HCC tỉnh, trả kết quả*);
- Chánh, Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh (WC) tại các tầng của trung tâm thương mại.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu ẩm thực.

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn khác (lavabo, vệ sinh dụng cụ thu gom rác, rửa sàn nhà vệ sinh).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và bể tách dầu mỡ được thu về trạm xử lý nước thải công suất 110 m³/ngày.đêm bằng hệ thống đường ống thu gom D90 – D110, D140 và D160 để xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó thoát ra bằng đường ống D600 dài 7m ra cống thoát nước thải D1.000 dọc đường Cù Chính Lan, nước thải sau xử lý được thu gom về trạm XLNT chung của toàn TP. Hòa Bình trước khi thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố tại phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Tại khu Trung tâm thương mại dịch vụ và dân cư thuộc phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106⁰ múi chiều 3⁰):

$$X(m) = 2303778; Y(m) = 432328.$$

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 110 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BT NMT, cột A, K=1)	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
1	pH	-	5 ÷ 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ (Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Lưu lượng	-	-	
3	BOD ₅	mg/l	50	
4	TSS	mg/l	100	
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
9	Dầu mỡ, động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
11	Photphat (tính theo P)	mg/l	10	
12	Tổng Coliform	MNP/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Mạng lưới thu gom nước mưa:

+ Khu Trung tâm thương mại: Nước mưa sau khi được thu gom sẽ theo phễu thu nước mưa bằng uPVC D60 được bố trí tại các tầng của khối công trình, sau đó chảy vào ống thu nước chính D90 dài 250,5m. Tại tầng 1 bố trí đường ống chạy trong nhà có kích thước D110-D140 dài 372m, sau đó nước mưa chảy vào các hố ga thu nước mưa ngoài nhà. Toàn bộ nước mưa sau khi được thu từ senô ngoài vào đường ống thoát D110 dài 450 từ mái xuống các 02 hố ga lắng cặn ở mặt bằng có kích thước sâu x rộng dài (750mm x 300 mm x 500mm). Đường ống dẫn nước mưa giữa các hố ga có kích thước D350mm độ dốc 2%, đặt dưới vỉa hè và lòng đường, tổng chiều dài đầu nối tới vị trí hệ thống thoát nước mưa chung thành phố là 450m với 2 điểm xả trên đường Cù Chính Lan. Nước mưa khu vực tầng

hầm được thu gom tại các rãnh thu nước xung quanh tường tầng hầm, tại lõi xuống tầng hầm bố trí rãnh thu nước kích thước 40x40mm dài 5,9m, toàn bộ nước mưa tầng hầm được chảy về 4 hố thu nước kích thước 700 x 700mm có ngăn tách dầu mỡ.

+ Khu shophouse: Nước mưa trên tầng mái và các tầng được thu gom bằng các phễu thu DN 150, DN100, DN50 sau đó chảy vào ống đứng DN90 chạy thẳng xuống ống nhánh có đường kính DN60 sau đó chảy vào ống chính DN90 và thoát ra hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà bằng đường ống DN110. Hố ga xung quanh khu shophouse: 9 hố ga, giữa các hố ga bố trí đường ống có đường kính từ D200-D400 dài 290m.

- Nước thải sinh hoạt:

* Khu trung tâm thương mại:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khối trung tâm thương mại được thu gom theo ống nhánh D50-D110 và thoát vào ống chính D125 dẫn về bể tự hoại 03 ngăn và theo đường ống gom kích thước D140 vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm thương mại.

+ Nước thải từ khu ẩm thực theo đường ống trực đứng uPVC D90-D125 dài 23,85m được dẫn về bể tách mỡ, sau đó thu gom bằng đường ống D160 đưa về hệ thống xử lý nước thải của trung tâm thương mại.

+ Nước vệ sinh dụng cụ thu gom rác cũng như rửa sàn nhà vệ sinh (nước thải xám) ở tất cả các tầng trong khối TTTM Vincom Plaza được dồn về các ống đứng D90-D110 thoát thẳng vào hệ thống xử lý nước thải của trung tâm thương mại. Nước rửa sàn tầng hầm được thu gom từ các rãnh thu bê tông có song chắn, kích thước 20cm, dài 1 m về hố thu nước rửa sàn tầng hầm. Sau đó bơm lên hệ thống xử lý nước thải của trung tâm thương mại.

* Khu shophouse: Nước thải của mỗi căn hộ đều thu gom về bể tự hoại 03 ngăn của từng căn hộ để xử lý sơ bộ sau đó thoát ra ngoài bằng đường ống D110 chảy vào 12 hố ga được bố trí bên ngoài xung quanh cơ sở, kích thước đường ống ngoài nhà PVC D200, với tổng chiều dài là 210m sau đó đấu nối vào cống thoát nước chung của thành phố trên đường Cù Chính Lan.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý tập trung 110m³/ngày. đêm.

Nước thải từ khu ẩm thực → Bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý tập trung 110m³/ngày. đêm.

Nước thải sinh hoạt từ các khu vực còn lại → Hệ thống xử lý tập trung 110m³/ngày. đêm.

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước chung trên đường Cù Chính Lan (Chất lượng nước sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT) → Trạm XLNT chung của toàn TP. Hòa Bình → Sông Đà.

- Công suất thiết kế: 110 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Ca(ClO)₂, Men vi sinh, Mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường ống thu, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung để tăng khả năng thoát nước và loại bỏ các chất bẩn, tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố cháy nổ.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố kéo dài, dừng hoạt động để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung gặp sự cố, chủ dự án phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, báo cáo cơ quan chức năng về môi trường trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- + Nguồn số 01: Từ cụm xử lý khí thải và mùi của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- + Nguồn số 02: Từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng phát sinh khí thải

+ Dòng khí thải số 01: Khí thải từ cụm xử lý khí thải và mùi được dẫn qua hệ thống tháp khử mùi bằng than hoạt tính bằng hệ thống đường ống uPVC D150 để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$) qua quạt hút thoát lên mái theo trục ống uPVC D300mm dài 20,4m và qua quạt hút thoát ra nguồn tiếp nhận, lưu lượng khí thải 3.500m³/giờ.

+ Dòng khí thải số 02: Khí thải máy phát điện qua ống thoát khí D300 được gộp vào hộp gió riêng kích thước cửa thoát khí W2440mm × H2800mm và được dẫn lên tầng trệt ở vị trí hướng về khu đất bãi đỗ xe, lưu lượng khí thải 11.520 m³/giờ.

2.1. Vị trí xả khí thải

Dòng khí thải số 1: Tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 2303778, Y (m) = 432234.

Dòng khí thải số 2: Tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 2303808, Y (m) = 432234.

(Theo hệ tọa độ địa lý VN2000, kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15020 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 1: xả gián đoạn (chỉ xả khi quạt hút hoạt động, quạt hút hoạt động theo chế độ cài đặt giờ).

Dòng khí thải số 2: xả gián đoạn (chỉ xả thải khi máy phát điện hoạt động).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B ($K_p = 1, K_v = 0,8$)	Quan trắc tự động, liên tục, định kỳ
A	Dòng khí thải số 01			Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ (Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
1	Lưu lượng	m ³ /h	--	
2	NH ₃	mg/Nm ³	40	
3	H ₂ S	mg/Nm ³	6	
B	Dòng khí thải số 02			
1	Lưu lượng	m ³ /h	--	
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	
3	Lưu hùynh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400	
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680	
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	800	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ bể phốt xử lý yếm khí, Bể gom kết hợp bể điều hòa, Cùm bể xử lý sinh học. Tại các bể này lắp đặt hệ thống đường ống uPVC D150 vào hệ thống tháp xử lý bằng vật liệu than hoạt tính. Quạt hút công suất 2,2kW, 380V/3ph/50Hz, lưu lượng 1.600 m³/giờ đặt tại khu vực cùm xử lý. Khí sạch đi ra khỏi lớp than hoạt tính theo trục ống uPVC D300mm, dẫn lên mái nhờ 01 quạt hút trên mái (Q=3.500 m³/h, 500PA) và xả ra môi trường. Kích thước ống thoát D315mm.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thoát ra ngoài bằng ống thoát khí thải D300 và được gộp vào hộp gió riêng, dẫn lên tầng trệt, vị trí hướng về khu đất bãi đỗ xe.

- Mùi từ khu vực nhà bếp được thu gom bằng chụp hút và ống thoát khí trong các khu bếp và đầu nối vào trục đứng kích thước 800x2000mm sau đó thoát thẳng lên mái bằng hệ thống quạt hút.

- Mùi từ khu vệ sinh được thu gom bằng ống thoát khí trong khu vệ sinh và đầu nối vào trực đứng kích thước 250x400mm sau đó thoát thẳng lên mái bằng hệ thống quạt hút.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút 1.600 m³/giờ → Quạt hút trên mái 3.500 m³/giờ → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p = 1, K_v = 0,8) trước khi thải ra môi trường.

Công suất thiết kế: 3.500m³/h.

Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống đường ống thu, thoát khí, cụm xử lý khí thải và mùi để tăng khả năng và tăng hiệu quả xử lý.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố cháy nổ.

- Khi cụm xử lý khí thải và mùi gặp sự cố kéo dài, dừng hoạt động để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo quá trình hoạt động không làm phát sinh mùi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án đảm bảo diện tích theo quy định.

- Các bể xử lý phải được xây kín ngăn mùi phát sinh ra ngoài. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống quạt hút và tháp xử lý mùi khu vực trạm xử lý nước thải./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc tại trạm xử lý nước thải đặt tại tầng hầm dự án.

- Nguồn 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

C. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, máy móc đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	Đ, ĐS	2	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (từ hoạt động bảo trì HTXLNT, hệ thống cơ điện)	Rắn	Đ, ĐS	1	18 02 01
3	Than hoạt tính	Rắn	Đ, ĐS	400	19 01 10
4	Bao bì nhựa cứng thải (bao bì chứa hoá chất XLNT, nước rửa chén, nước tẩy,...)	Rắn	Đ, ĐS	-	18 01 03
5	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	Đ, ĐS, AM	1	16 01 12
Tổng				404	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Thức ăn thừa, rau, quả, lá cây...	183960
2	Vỏ đồ hộp, thùng carton, lon bia, túi nilon...	500
3	Bùn thải	45
	Tổng khối lượng	184505

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: thùng đựng rác chuyên dụng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 4,46m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho được xây bằng vật liệu bê tông cốt thép, nền chống thấm, có rãnh chống tràn, có cửa bằng tôn/thép, khóa kín, bên ngoài có dán bảng tên và các biển cảnh báo.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải trang bị các dụng cụ, thiết bị vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Thùng đựng rác chuyên dụng: Thùng rác lõi nhựa 300*600mm 30 thùng; Thùng rác 120L 10 thùng; Thùng rác 240L 06 thùng.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt.

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Bàn giao việc quản lý các công trình thu gom, xử lý chất thải cho Ban Quản lý khu nhà ở để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh qua Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định./.
